THANH TRA CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 276 /TTCP-C.IV	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v kết quả đánh giá công tác PCTN năm 2017	*Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2019*

VĂN PHÒNG ĐĐBQH, HĐND VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 1067
Ngày: 18/3/19
Chuyển: VCK

Kính gửi: UBND tỉnh, thành phố .....Tây Ninh.....

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giao Thanh tra Chính phủ tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện phương pháp đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh, ngày 22/01/2018, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kế hoạch số 115/KH-TTCP về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2017. Thực hiện kế hoạch trên, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Bộ chỉ số đánh giá năm 2017, UBND tỉnh (thành phố) đã tổ chức tự đánh giá theo Bộ chỉ số. Thanh tra Chính phủ đã tổ chức rà soát, thẩm tra lại Báo cáo tự đánh giá trên cơ sở hồ sơ, tài liệu minh chứng và giải trình của từng địa phương. Thanh tra Chính phủ trân trọng thông báo Kết quả chấm điểm đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2017 của địa phương như sau. (Biểu chi tiết kèm theo).

Năm 2019, Thanh tra Chính phủ tiếp tục đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2018 theo Kế hoạch 109/KH-TTCP ngày 24/01/2019 và Bộ Chỉ số ban hành theo Quyết định 63/QĐ-TTCP ngày 26/02/2018 của Tổng Thanh tra Chính phủ; đề nghị UBND tỉnh (thành phố) .....Tây Ninh..... rút kinh nghiệm việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2016, 2017 và phối hợp với Thanh tra Chính phủ để thực hiện tốt Kế hoạch đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018 nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Các Phó Tổng Thanh tra CP;
- Vụ KHTH; Cục I, II, III thuộc TTCP;
- Lưu: VT, C.IV (4b).

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA

THANH TRA CHÍNH PHỦ

Trần Ngọc Liêm

THANH TRA CHÍNH PHỦ

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2017 CỦA UBND TỈNH TÂY NINH (Sau khi thẩm tra)

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm UBND Tỉnh tự đánh giá	Điểm thẩm tra (công thức)	Ghi chú (giải thích lý do tăng, giảm điểm của các chỉ số)
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	*100.00*	*76.25*	*70.06*	Trừ 7.19 điểm
A. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC PCTN	**20.00**	**19.10**	**14.80**	
1. Lãnh đạo, chỉ đạo về công tác PCTN	**5.00**	**4.50**	**3.80**	
1.1. Văn bản chỉ đạo về công tác PCTN	2.00	1.50	0.90	
1.1.1 Yêu cầu về nội dung	*1.00*	*1.00*	*0.40*	Do thiếu văn bản của UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương: Nghị quyết số 25; Nghị quyết 97; Nghị quyết 126; Chỉ thị 08; Chỉ thị 20;
1.1.2 Yêu cầu tính kịp thời	1.00	0.50	0.50	
1.2. Chương trình, kế hoạch PCTN	3.00	3.00	2.90	
1.2.1 Về hình thức văn bản	*1.00*	*1.00*	*1.00*	
1.2.2 Về nội dung	*2.00*	*2.00*	*1,9*	Do thiếu 1 trong 5 mục tiêu cần đạt được của Kế hoạch PCTN: mục tiêu hoàn thiện thể chế quản lý.
2. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác quản lý kinh tế xã hội để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng	**2.00**	**2.00**	**0.00**	Do không có kế hoạch nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác quản lý kinh tế xã hội để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; không thực hiện và không có kiến nghị hoàn thiện thể chế.
2.1. Ban hành kế hoạch	0.90	0.90	0.00	
2.1.1 Có ban hành văn bản	*0.10*	*0.10*	*0.00*	
2.1.2 Xác định mục tiêu	*0.10*	*0.10*	*0.00*	
2.1.3 Xác định những nhiệm vụ	*0.10*	*0.10*	*0.00*	
2.1.4 Phân công, bố trí nguồn lực thực hiện	*0.60*	*0.60*	*0.00*	
2.2 Kết quả thực hiện xây dựng thể chế	0.60	0.60	0.00	
2.3 Có kiến nghị hoàn thiện thể chế	0.50	0.50	0.00	
3. Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	**3.00**	**3.00**	**1.90**	
3.1 Kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	0.90	0.90	0.30	
3.1.1 Về hình thức	*0.10*	*0.10*	*0.10*	
3.1.2 Về nội dung	*0.80*	*0.80*	*0.20*	Không xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu cụ thể cho 02 nhóm đối tượng (nhóm số 2 và số 3) theo yêu cầu; Không xác định các nhiệm vụ và hoạt động cụ thể để đạt được mục tiêu số 2 và 3; Không phân công, phân phối nguồn lực thực hiện nhiệm vụ hoạt động cụ thể để đạt được mục tiêu số 2 và 3.
3.2 Thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	1.60	1.60	1.10	
3.2.1 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện chỉ thị 10/TTg	*0.60*	*0.60*	*0.60*	
3.2.2 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện chỉ thị 05/CT-TW	*0.50*	*0.50*	*0.00*	Không có tài liệu thể hiện đã xây dựng và thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện
3.2.3 Thực hiện các nội dung của kế hoạch tuyên truyền của địa phương ngoài các nội dung trên	*0.50*	*0.50*	*0.50*	
3.3 Sáng tạo trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	0.50	0.50	0.50	
4. Công tác thanh tra, kiểm tra	**7.00**	**7.00**	**6.70**	
4.1 Kế hoạch thanh tra, kiểm	1.50	1.50	1.20	
4.1.1 Về hình thức	*0.50*	*0.50*	*0.50*	
4.1.2 Về nội dung	*1.00*	*1.00*	*0.70*	Không có tài liệu thể hiện mục tiêu cần đạt được của các cơ quan trực thuoocjUBND tỉnh và UBND cấp huyện trong công tác thanh tra, kiểm tra.
4.2 Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra	5.50	5.50	5.50	
4.2.1. Việc triển khai kế hoạch thanh tra trách nhiệm	*2.50*	*2.50*	*2.50*	

4.2.2 Việc triển khai kế hoạch thanh tra kinh tế - xã hội	*2.00*	*2.00*	*2.00*	
4.2.3 Việc triển khai kế hoạch kiểm tra	*1.00*	*1.00*	*1.00*	
5. Sự tham gia của xã hội trong công tác PCTN	**2.00**	**1.60**	**1.60**	
5.1 Xây dựng nội dung phối hợp về công tác PCTN	0.60	0.40	0.40	
5.1.1 Có quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan nhà nước và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố.	*0.40*	*0.40*	*0.40*	
5.1.2 Có chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với UBNDTQ	*0.20*	*0.00*	*0.00*	
5.2 Tiếp thu các kiến nghị sau giám sát	0.40	0.40	0.40	
5.3 Tổ chức tiếp dân	1.00	0.80	0.80	
5.3.1 Việc tiếp công dân của lãnh đạo UBND cấp tỉnh	*0.70*	*0.50*	*0.50*	
5.3.2 Việc tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân bằng các hình thức khác.	*0.30*	*0.30*	*0.30*	
6. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về PCTN	**1.00**	**1.00**	**0.80**	Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về PCTN của các đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện chưa đầy đủ, kịp thời.
6.1 Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ thông tin, báo cáo chung	0.50	0.50	0.50	
6.2 Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo ở địa phương	0.50	0.50	0.30	
B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA	**30.00**	**25.94**	**24.05**	
1. Việc thực hiện công khai, minh bạch	**9.00**	**9.00**	**6.50**	
1.1 Thực hiện công khai chính sách, pháp luật trên cổng thông tin điện tử	1.00	1.00	1.00	
1.2. Công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực được lựa chọn trong năm	8.00	8.00	5.50	
1.2.1. Công tác cán bộ	*1.50*	*1.50*	*1.50*	
1.2.2. Về lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước	*1.50*	*1.50*	*1.50*	
1.2.3. Về lĩnh vực đất đai, tài nguyên	*1.50*	*1.50*	*1.00*	Công khai thiếu nội dung kế hoạch, kết quả giao đất, cho thuê đất. Nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản chưa đầy
1.2.4. Về lĩnh vực đầu tư, mua sắm công	*1.50*	*1.50*	*1.00*	Việc công khai, minh bạch về lĩnh vực đầu tư, mua sắm công của UBND các huyện chưa đầy đủ (chỉ có tài liệu của 02 huyện).
1.2.5. Về lĩnh vực giáo dục	*1.00*	*1.00*	*0.50*	Các cơ sở giáo dục, đào tạo chưa thực hiện công khai đối với các khoản thu, mức thu, tài chính.
1.2.6. Về lĩnh vực y tế	*1.00*	*1.00*	*0.00*	Không có tài liệu thể hiện đã công khai, minh bạch (Đường link không dẫn đến các văn bản cần công khai).
2. Cải cách hành chính	**3.00**	**1.32**	**2.33**	
3. Việc chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, công chức, viên chức	**2.00**	**2.00**	**2.00**	
3.1 Việc chuyển đổi vị trí công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh	0.50	0.50	0.50	
3.2 Kết quả của việc chuyển đổi vị trí công tác	1.50	1.50	1.50	
4. Minh bạch tài sản, thu nhập	**5.00**	**5.00**	**5.00**	
4.1 Việc kê khai	0.50	0.50	0.50	
4.2 Việc công khai bảng kê khai	0.50	0.50	0.50	
4.3 Việc xác minh tài sản thu nhập	4.00	4.00	4.00	
4.3.1 Số cuộc xác minh tài sản, thu nhập	*2.00*	*2.00*	*2.00*	
4.3.2 Kết quả xác minh tài sản, thu nhập	*2.00*	*2.00*	*2.00*	
5. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn	**2.00**	**2.00**	**1.60**	Có 05 huyện, thành phố không sửa đổi, hoàn thiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn.
6. Xử lý kỷ luật người đứng đầu cơ quan, đơn vị	**4.00**	**4.00**	**4.00**	
7. Kết quả phát hiện, xử lý các vi phạm trong thực hiện các biện pháp	**5.00**	**2.62**	**2.62**	
7.1 Việc phát hiện vi phạm	2.50	0.12	0.12	
7.2 Việc xử lý vi phạm	2.50	2.50	2.50	
C. PHÁT HIỆN CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG	**25.00**	**10.52**	**10.52**	
1. Qua công tác tự kiểm tra nội bộ	**6.00**	**6.00**	**6.00**	
1.1. Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện	3.00	3.00	3.00	
1.2. Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi và đã thu hồi	3.00	3.00	3.00	
2. Qua công tác thanh tra	**5.00**	**1.41**	**1.41**	
2.1. Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện	2.00	0.06	0.06	
2.2. Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi và đã thu hồi	3.00	1.35	1.35	
3. Qua công tác giải quyết tố cáo tham nhũng	**5.00**	**3.11**	**3.11**	
3.1. Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện	2.00	0.11	0.11	
3.2. Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi và đã thu hồi	3.00	3.00	3.00	
4. Qua hoạt động giám sát	**5.00**	**0.00**	**0.00**	
4.1. Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện	2.00	0.00	0.00	

4.2. Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi và đã thu hồi	3.00	0.00	0.00	
5. Qua công tác điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng	**4.00**	**0.00**	**0.00**	
5.1. Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện	2.00	0.00	0.00	
5.2. Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi và đã thu hồi	2.00	0.00	0.00	
D. XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG	**25.00**	**20.70**	**20.70**	
1. Xử lý hành chính	**5.00**	**5.00**	**5.00**	
1.1 Xử lý kỷ luật hành chính đối với tổ chức	2.50	2.50	2.50	
1.2 Xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân	2.50	2.50	2.50	
2. Xử lý hình sự	**10.00**	**10.00**	**10.00**	
2.1 Kết quả điều tra tội phạm tham nhũng	3.00	3.00	3.00	
2.2 Kết quả truy tố tội phạm tham nhũng	3.00	3.00	3.00	
2.3 Kết quả xét xử tội phạm tham nhũng	4.00	4.00	4.00	
3. Thu hồi tài sản tham nhũng	**10.00**	**5.70**	**5.70**	
3.1 Thu hồi tiền và tài sản tham nhũng	*5.00*	*3.20*	*3.20*	
3.1.1 Tiền và tài sản thu hồi được qua các biện pháp hành chính:	*2.50*	*2.50*	*2.50*	
3.1.2 Tiền và tài sản thu hồi được qua các biện pháp hình sự	*2.50*	*0.70*	*0.70*	
3.2 Đất đai tham nhũng thu hồi được	5.00	2.50	2.50	
3.2.1 Đất đai thu hồi được qua các biện pháp hành chính	*2.50*	*2.50*	*2.50*	
3.2.2 Đất đai thu hồi được qua thi hành bản án hình sự	*2.50*	*0.00*	*0.00*	